

CÁC BỘ**LIÊN BỘ****TÀI CHÍNH - NÔNG NGHIỆP VÀ
CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM****THÔNG TƯ liên Bộ số 27-TT/LB
ngày 30-3-1994 quy định chế độ
thu và quản lý sử dụng lệ phí,
phí tổn về công tác bảo vệ và
kiểm dịch thực vật.**

Căn cứ Điều 13, Điều 14 của Quy định về hệ thống tổ chức, thanh tra chuyên ngành, giải quyết tranh chấp và lệ phí, phí tổn về công tác bảo vệ và kiểm dịch thực vật ban hành kèm theo Nghị định số 92-CP ngày 27-11-1993 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 276-CT ngày 28-7-1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về việc thống nhất quản lý các loại phí và lệ phí và Thông tư số 48-TC/TCT ngày 28-9-1992 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành;

Liên Bộ Tài chính - Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm hướng dẫn chế độ thu và quản lý sử dụng lệ phí, phí tổn về công tác bảo vệ và kiểm dịch thực vật như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG NỘP

Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài phải nộp lệ phí, phí tổn cho cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật như quy định tại Điều 13 của Quy định ban hành kèm theo Nghị định số 92-CP ngày 27-11-1993 của Chính phủ.

II. MỨC THU, LOẠI TIỀN THU

1. Mức thu quy định tại phụ lục kèm theo Thông tư này. Khi giá cả thị trường biến động từ 20% trở lên thì Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm điều chỉnh lại mức thu quy định trong Thông tư này cho phù hợp thực tế.

2. Loại tiền thu:

- Đối với tổ chức, cá nhân người Việt Nam lệ phí thu bằng tiền Việt Nam.

- Đối với tổ chức, cá nhân người nước ngoài thu bằng Đô la Mỹ (USD). Trường hợp cá nhân người nước ngoài có nhu cầu nộp bằng tiền Việt Nam thì được quy đổi mức thu theo tỷ giá mua vào do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm nộp.

3. Được miễn thu lệ phí, phí tổn trong các trường hợp sau đây:

- Kiểm dịch thực vật đối với sản phẩm thực vật nhập khẩu xách tay dùng để sử dụng trong thời gian đi đường.

- Kiểm dịch bó hoa, vòng hoa theo nghi thức ngoại giao khi nhập cảnh, xuất cảnh.

4. Trường hợp cơ quan kiểm dịch đã làm việc hết giờ hành chính theo chế độ Nhà nước quy định, mà khách hàng yêu cầu kiểm dịch khẩn trương thì phải có đơn đề nghị và có sự thỏa thuận của hai bên về làm ngoài giờ hành chính thì được phép thu thêm 50% mức thu quy định tại phụ lục kèm theo Thông tư này.

**III. QUẢN LÝ SỬ DỤNG LỆ PHÍ, PHÍ TỔN
VỀ CÔNG TÁC BẢO VỆ VÀ
KIỂM DỊCH THỰC VẬT**

Khoản thu lệ phí, phí tổn về công tác bảo vệ và kiểm dịch thực vật là khoản thu của Ngân sách Nhà nước do cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật các cấp thực hiện thu. Trách nhiệm của cơ quan bảo vệ thực vật và kiểm dịch thực vật:

1. Phải đăng ký với cơ quan thuế địa phương và mở sổ sách theo dõi tình hình thu, chi lệ phí, phí tổn theo chế độ kế toán thống kê hiện hành của Nhà nước.

2. Biên lai thu lệ phí và phí tổn do Bộ Tài chính (Tổng Cục thuế) phát hành, nhận tại các Cục thuế ở địa phương.

3. Các khoản thu về lệ phí, phí tổn bảo vệ và kiểm dịch thực vật được để lại theo quy định tại Điều 14 của Quy định về hệ thống tổ chức thanh tra chuyên ngành, giải quyết tranh chấp và lệ phí, phí tổn về công tác bảo vệ và kiểm dịch thực vật (ban hành theo Nghị định số 92-CP ngày

27-11-1993 của Chính phủ). Nguồn thu này được cân đối chung trong kế hoạch tài chính được duyệt hàng năm của đơn vị.

Cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật các cấp được sử dụng các khoản thu lệ phí, phí tổn này vào các chi phí thường xuyên, bổ sung mua vật tư, thiết bị kỹ thuật chuyên dùng cho công tác bảo vệ và kiểm dịch thực vật, chi bồi dưỡng làm việc ngoài giờ hành chính và chi tiền thưởng cho cán bộ, công nhân viên theo chế độ hiện hành của Nhà nước đối với các đơn vị sự nghiệp có thu. Nếu thu vượt kế hoạch được duyệt thì được trích thêm tiền thưởng, nhưng số tiền thưởng vượt kế hoạch được trích không được quá 1 tháng lương cơ bản. Cuối năm quyết toán, nếu sử dụng không hết thì phải nộp số còn lại vào Ngân sách Nhà nước.

4. Hàng năm, cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật phải lập kế hoạch thu lệ phí, phí tổn về bảo vệ và kiểm dịch đồng thời với kế hoạch thu, chi tài chính của đơn vị và phải được cơ quan chủ quản cấp trên, cơ quan tài chính cùng cấp duyệt.

5. Hàng năm, cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật phải lập quyết toán thu, chi về lệ phí,

phí tổn bảo vệ và kiểm dịch thực vật đồng thời với quyết toán thu, chi tài chính của đơn vị và phải được cơ quan chủ quản cấp trên, cơ quan tài chính cùng cấp duyệt (có sự tham gia của cơ quan thuế cùng cấp).

6. Cơ quan thuế có trách nhiệm kiểm tra đôn đốc cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật thực hiện đúng chế độ biên lai ấn chỉ, đôn đốc nộp kịp thời số phải nộp (nếu có) vào Ngân sách Nhà nước.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 1994. Mọi quy định trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, cần phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm để giải quyết.

K.T. Bộ trưởng
Bộ Nông nghiệp và
Công nghiệp thực phẩm
Thứ trưởng
NGÔ THẾ DÂN

K.T. Bộ trưởng
Bộ Tài chính
Thứ trưởng
PHAN VĂN DÍNH

09652236

PHỤ LỤC

kèm theo Thông tư Liên Bộ Tài chính - Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm số 27-TT/LB ngày 30-3-1994 về lệ phí, phí tổn bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật, thuốc bảo vệ thực vật.

Số thứ tự	KHOẢN THU	Mức thu			GHI CHÚ
		Đơn vị tính	Giá trị thu		
			Đối với tổ chức, cá nhân trong nước (1000đ VN)	Đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài (USD)	
1	2	3	4	5	6
1	Khai báo để xin cấp giấy chứng nhận, giấy phép, giấy đăng ký, v.v.. về bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật, thuốc bảo vệ thực vật, khử trùng	1 lần khai báo	2	2	
2	Thẩm định và cấp giấy chính thức đưa thuốc vào danh mục được sử dụng	1 lần cấp đăng ký cho 1 loại thuốc	3000	500	Đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài liên doanh với tổ chức, cá nhân Việt Nam thì được giảm 20% so với mức thu của tổ chức, cá nhân nước ngoài
3	Đăng ký đưa thuốc vào khảo nghiệm diện hẹp	1 lần cấp	200	50	- nt -
4	Đăng ký đưa thuốc vào khảo nghiệm diện rộng	1 lần cấp	1.000	200	- nt -
5	Thẩm định và cấp giấy đăng ký bổ sung đưa thuốc vào danh mục được sử dụng:				
	a) Thay đổi tên, phạm vi sử dụng	1 lần cấp	200	50	- nt -
	b) Thay đổi hàm lượng hoạt chất và dạng thuốc	1 lần cấp	400	100	- nt -
	c) Hỗn hợp thành sản phẩm mới	1 lần cấp	1.000	200	- nt -
	d) Gia hạn giấy phép đăng ký thuốc	1 lần cấp	200	50	- nt -
6	Thẩm định điều kiện kỹ thuật và cấp giấy xác nhận điều kiện sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật				
	- Quy mô nhỏ (< 5 T ai/năm):		500	Theo quy định riêng	
	- Quy mô vừa (> 5 T ai/năm):		1.000		
	- Quy mô lớn (> 30 T ai/năm):		2.000		

1	2	3	4	5	6
7	Kiểm định và cấp giấy chứng nhận chất lượng thuốc bảo vệ thực vật: a) Phân tích định lượng thuốc bảo vệ thực vật b) Phân tích định tính c) Phân tích định lượng các loại thuốc thảo mộc	1 loại thuốc 1 loại thuốc 1 loại thuốc	50 - 100 100 - 200 100 - 150	20 - 30 30 - 50 40 - 60	Đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài liên doanh với tổ chức, cá nhân Việt Nam thì được giảm 20% so với mức thu của tổ chức, cá nhân nước ngoài
8	Kiểm định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật	1 chỉ tiêu/1 mẫu	100 - 150	50 - 100	- nt -
9	Chi phí cho việc đi lại đến địa điểm kiểm tra, lấy mẫu để kiểm định chất lượng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật	1 lần đi, về	Theo thực chi hợp lý	Theo thực chi hợp lý	
10	Khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật mới: a) Khảo nghiệm diện hẹp b) Khảo nghiệm diện rộng	1 khảo nghiệm 1 loại thuốc, 1 loại dịch hại, 1 địa điểm, 3 - 5 công thức, 3 - 4 lần nhắc lại, diện tích ô từ 25 - 50 m ² 1 khảo nghiệm, 1 loại dịch hại, 1 loại cây, 1 loại thuốc, diện tích ô từ 0,5 - 2 hécta	2.000 - 2.500 1.500 - 2.000	500 - 600 400 - 500	
11	Thẩm định và cấp giấy phép hành nghề khử trùng a) Tự khử trùng vật thể của mình: + Quy mô nhỏ (< 1000m ³ /năm) + Quy mô vừa (> 1000m ³ /năm) + Quy mô lớn (> 5000m ³ /năm) b) Dịch vụ khử trùng hàng nội địa: + Quy mô nhỏ (< 1000m ³ /năm) + Quy mô vừa (> 1000m ³ /năm) + Quy mô lớn (> 5000m ³ /năm)	1 lần 1 lần	70 500 1.000 500 1.000 1.500		

1	2	3	4	5	6
	c) Dịch vụ khử trùng hàng xuất khẩu, nhập khẩu: + Quy mô nhỏ (< 1000m ³ /năm) + Quy mô vừa (≥ 1000m ³ /năm) + Quy mô lớn (≥ 5000m ³ /năm)	1 lần	1.000 2.000 3.000		
12	Kiểm tra, lấy mẫu, phân tích, giám định và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật: a) Kiểm tra, điều tra sinh vật gây hại vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật b) Lấy mẫu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật để phân tích tình trạng nhiễm dịch c) Phân tích giám định mẫu: - Côn trùng - Cỏ dại - Nấm, tuyến trùng - Vi trùng - Siêu vi trùng d) Chi phí cho việc đi lại đến địa điểm kiểm tra, lấy mẫu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật đ) Gieo trồng, theo dõi kiểm tra, kiểm dịch giống cây trồng nhập khẩu trong vườn ươm	- Từ 1m ² hay 1m ³ hoặc 1 tấn đến 10m ² hay 10m ³ hoặc 10 tấn đầu - Từ 11m ² hay 11m ³ hoặc 11 tấn trở lên thì cứ 1m ² hay 1m ³ hoặc 1 tấn thu thêm - Từ 1 đến 10 mẫu đầu - Từ mẫu thứ 11 trở lên thì cứ mỗi mẫu thu thêm 1 chỉ tiêu/1 mẫu	10 - 15 0,1 - 0,15 10 - 15 0,25 - 0,30 20 - 50 20 - 50 35 - 75 50 - 100 Theo thực chi hợp lý Theo thực chi hợp lý Theo thực chi hợp lý	5 - 10 0,1 - 0,2 10 - 15 0,2 - 0,3 5 - 10 5 - 10 10 - 15 15 - 20 Theo thực chi hợp lý Theo thực chi hợp lý Theo thực chi hợp lý	
13	Xử lý vật thể nhiễm dịch như chọn lọc, tái chế, khử trùng, cách ly, tiêu hủy, giữ lại, trả về nơi xuất xứ v.v...	1 lần xử lý	Theo thực chi hợp lý	Theo thực chi hợp lý	
14	Dịch vụ phòng trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật và vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	1 lần	Theo thực chi hợp lý	Theo thực chi hợp lý	
15	Giám sát, kiểm tra việc xử lý, khử trùng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	Như khoản 8	Như khoản 8	Như khoản 8	
16	Các phí tổn khác có liên quan mà cơ quan Bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật phải chi	1 lần	Theo thực chi hợp lý	Theo thực chi hợp lý	